



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Bộ phận Quản lý chất lượng**
Laboratory: **Physical and chemical Laboratory**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Tôn Hòa Phát**
Organization: **Hoaphat Steel Sheet Co.,Ltd**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1617**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa, Cơ**
Field: **Chemical, Mechanical**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Nguyễn Văn Hòa**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày / 01 / 2026 đến ngày / 01 / 2031**

Địa chỉ/Address: **Đường E1, Khu E, KCN Phố Nối A, xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam**
E1 road, E Zone, Pho Noi A Industrial Park, Lac Dao Town, Hung Yen Province, Vietnam

Địa điểm/ Location: **Nhà máy Tôn mạ màu Hòa Phát. Đường E1, Khu E, KCN Phố Nối A, xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam**
Hoa Phat Color-Coated Steel Sheet Manufacturing Factory, E1 road, E Zone, Pho Noi A Industrial Park, Lac Dao Town, Hung Yen Province, Vietnam

Điện thoại/ Tel: **(0221)3378 241**

Email: **vanhoa@hoaphat.com.vn**

Website: **www.hoaphat.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1617

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thép cuộn mạ kẽm nhúng nóng, thép cuộn mạ hợp kim nhôm kẽm nhúng nóng <i>Galvanized steel sheet in coil, Aluminium-Zinc alloy coated steel sheet in coil</i>	Xác định khối lượng lớp mạ <i>Determination of coating mass</i>	Đến/to: 600 g/m ²	JIS H 0401:2021 (phương pháp gián tiếp/ <i>Indirect method</i>) EN 10346:2015 (Phụ lục A/ <i>Annex A</i>) AS 2331.2.1:2001 (R2017) (Phương pháp A/ <i>Method A</i>) ISO 1460:2020 ASTM A90/A90M-21
2.	Thép cacbon và hợp kim thấp <i>Carbon and low - alloy steels</i>	Xác định thành phần hóa học các nguyên tố. Phương pháp quang phổ phát xạ chân không. <i>Determination of chemical composition. Spark Atomic Emission Spectrometry</i>	C:(0,02~1.1)% Mn: (0,03 ~2.0)% Si:(0,02 ~ 1.54)% S: (0,001~0.055) % P:(0,006 ~0.085)%	ASTM E415-21 TCVN 8998:2018 JIS G 1253:2002+ Amd 1:2013
3.	Thép cuộn mạ kẽm nhúng nóng, thép cuộn mạ hợp kim nhôm kẽm nhúng nóng phủ sơn, thép cuộn mạ hợp kim nhôm kẽm nhúng nóng phủ sơn <i>Galvanized steel sheet in coil, Aluminium-Zinc alloy coated steel sheet in coil, prepainted galvanized steel sheet in coil, prepainted aluminium -Zinc coated steel sheet in coil</i>	Thử nghiệm phun sương muối trong môi trường trung tính (NSS) <i>Neutral salt spray test (NSS)</i>	Nhiệt độ buồng phun/ <i>Chamber temperature:</i> 35°C	ASTM B117-19 ISO 9227:2022 + Amd 1: 2024 JIS Z 2371:2015 EN 13523-8:2024 TCVN 12640 :2021

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1617

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội, thép cuộn mạ kẽm nhúng nóng, thép cuộn mạ hợp kim nhôm kẽm nhúng nóng <i>Hot roll coil, cold rolled coil, galvanized steel sheet in coil, Aluminium-Zinc alloy coated steel sheet in coil</i>	Thử kéo, xác định: - Giới hạn chảy - Giới hạn bền - Độ giãn dài <i>Tension test, determination of:</i> - Yield Strength - Tensile Strength - Elongation	(0,5 ~ 100) kN	JIS Z2241:2022 + Amd 1:2023 ISO 6892-1:2019 ASTM E8/E8M-24 AS 1391:2020 TCVN 197-1:2014
2.	Thép cuộn mạ kẽm nhúng nóng phủ sơn, Thép cuộn mạ hợp kim nhôm kẽm nhúng nóng phủ sơn <i>Prepainted galvanized steel sheet in coil, prepainted Aluminium -Zinc coated steel sheet in coil</i>	Thử độ cứng bút chì <i>Film hardness by pencil test</i>	Đến/to: 6H F: Đến/to 10 N	ASTM D3363-22 JIS G3312:2024 JIS G3322:2024 EN 13523-4:2014
3.		Xác định độ dày màng sơn khô <i>Determination of dry film thickness</i>	Đến/ to: 50 µm	ASTM D4138-07a(2022) (Phương pháp/ Method C) ISO 2808:2019 (Phương pháp/ method 6B) EN 13523-1: 2024 (Phương pháp/method D)
4.		Thử bền uốn T-bend Phương pháp gấp uốn quanh chính nó 180° không cần dùng gối uốn. <i>T-Bend test</i> <i>Bending the coated specimen around itself To 180° without using a bending pillow</i>	Đến: 180° To: 180°	ASTM D4145-10(2022) EN 13523-7:2022 AS/NZS 2728 : 2013 JIS G3312: 2024 JIS G3322 :2024

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1617

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
5.	Thép cuộn mạ kẽm nhúng nóng, thép cuộn mạ hợp kim nhôm kẽm nhúng nóng phủ sơn <i>Prepainted galvanized steel sheet in coil, prepainted Aluminium -Zinc coated steel sheet in coil</i>	Thử độ bền bám dính . Phương pháp cắt ô <i>adhesion of an organic coating</i> <i>Cupping test</i>		EN 13523-6:2020 ISO 2409:2020
6.		Độ bền va đập <i>Impact test</i>	h: đến/to 500 mm m: đến/to1000 g	JIS G3322:2024 JIS G3312:2024 EN 13523-5:2014 TCVN 2100-2:2013 ISO 6272 -2: 2011
7.		Thử bền dung môi MEK <i>Solvent resistance test (MEK)</i>	Lực búa/ <i>Hammer force</i> : 3000 g	ASTM D7835/ D7835M-23
8.		Đo độ lệch màu – ΔE <i>Measurement of color differences – ΔE</i>		ASTM D2244 -22
9.		Đo độ bóng (G) <i>Measurement of gloss (G)</i>	Đến/to: 95,8 GU	ASTM D523-14(2018)
10.		Thử lão hóa tăng tốc bằng UV <i>Accelerated weathering test by UV lamp</i>		ASTM D4587-23

Chú thích/ Note:

- JIS: Tiêu chuẩn Nhật/ *Japan Industrial Standard*
- ASTM: Tiêu chuẩn quốc tế của hội thử nghiệm và vật liệu Mỹ/ *American Society for Testing and Materials*
- AS/NZS: tiêu chuẩn Úc/ New Zealand/ *Australian/New Zealand Standard*
- EN: Tiêu chuẩn Châu Âu/ *European Norm*
- AS: Tiêu chuẩn Úc/ *Standards Australia*

Trường hợp Công ty TNHH Tôn Hòa Phát cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH Tôn Hòa Phát phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for HOAPHAT STEEL SHEET Co.,LTD that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

